

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TRÀ VINH
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 65/2023/HNGĐ-ST
Ngày 22-12-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Cao Minh Sơn;
- Bà Thạch Thị Mỹ Kim.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 307/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Bảo T, sinh năm 1996 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp L, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Minh T1, sinh năm 1991 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp L, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị Phạm Thị Bảo T là nguyên đơn trình bày: Chị Phạm Thị Bảo T với anh Trần Minh T1 xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2019 trên cơ sở quen biết. Anh chị có đăng ký kết hôn vào ngày 17 tháng 01 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 17 tháng 01 năm 2019.

Trong quá trình chung sống, anh chị có 01 người con chung tên Trần

Hoàng K, sinh ngày 26 tháng 3 năm 2020, hiện tại đang sống với anh T1. Anh chị không tạo lập được tài sản chung và không có nợ ai hay ai nợ anh chị.

Sau khi kết hôn, anh chị về sống bên nhà cha mẹ ruột của chị T. Trong khoảng thời gian ở đó anh T1 luôn làm chị T và gia đình mất lòng tin về vấn đề làm ăn và tiền bạc, mượn tiền chị T khi hỏi thì giấu giếm không trả lời được. Anh T1 có nhiều thái độ và hành động không đúng đối với gia đình chị T nên chị T quyết định về nhà anh T1 ở. Sau một thời gian ở bên nhà chồng, anh chị thường xuyên cãi nhau về vấn đề tiền bạc. Anh T1 không có lòng tin với chị T và luôn kiểm soát, áp đặt chị T. Khi chị T ra khỏi nhà thì gọi điện thoại đến khi chị T về. Về đến nhà thì dò hỏi và kiểm tra điện thoại. Khi thấy chị T đi với người bạn nữ của chị T mà anh T1 không thích thì anh T1 đánh người này, chỉ trích chị T là người sai trái, đi theo người khác và bạn chị T là người phá hoại hạnh phúc gia đình mà không có chứng cứ. Anh T1 đập phá đồ đạc cá nhân của chị T và ép chị T làm những điều chị T không đồng ý. Lần gần đây nhất anh T1 thấy chị T, cháu K và bạn chị T đi chung thì anh T1 đến đánh bạn chị T, đập điện thoại của chị T và rượt chị T chạy trên đường đến khi trời tối. Chị T đã khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh nhưng sau đó rút đơn để anh T1 thay đổi nhưng nay không còn đủ kiên nhẫn để chờ anh T1 thay đổi. Từ khi phát sinh mâu thuẫn đến nay đã hơn 01 năm và anh chị đã không còn sống chung khoảng 05 tháng nay.

Nay nhận thấy không thể duy trì quan hệ hôn nhân nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Chị T yêu cầu ly hôn với anh T1.

Về con chung: Chị T yêu cầu giao con chung tên Trần Hoàng K, sinh ngày 26 tháng 3 năm 2020 cho anh Trần Minh Trung trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo nội dung bản tự khai, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh Trần Minh T1 là bị đơn trình bày: Anh Trần Minh T1 và chị Phạm Thị Bảo T xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2019 trên cơ sở quen biết. Anh chị có đăng ký kết hôn vào ngày 17 tháng 01 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 17 tháng 01 năm 2019.

Trong quá trình chung sống, anh chị có 01 người con chung tên Trần Hoàng K, sinh ngày 26 tháng 3 năm 2020, hiện tại đang sống với anh T1. Anh chị không tạo lập được tài sản chung và không có nợ ai hay ai nợ anh chị.

Về mâu thuẫn trong hôn nhân thì các mâu thuẫn mà chị Phạm Thị Bảo T đã nêu anh T1 thừa nhận là có. Tuy nhiên anh T1 xác định anh T1 đã nhìn nhận lỗi của mình và đã khắc phục. Đối với sự việc anh T1 đánh người bạn của chị T thì có xảy ra nhưng lý do là chị T đi làm không về nhà mà sống

chung với người bạn nữ này. Hai người có nhắn tin qua lại. Anh T1 thấy chị T là người đã có gia đình nhưng người bạn này vẫn cố tình qua lại, có ý phá hoại gia đình anh T1.

Do vẫn còn tình cảm với chị T nên chị T yêu cầu ly hôn anh T1 không đồng ý mà yêu cầu được đoàn tụ.

Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì cháu Trần Hoàng K sẽ do anh T1 nuôi dưỡng và anh T1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh đã tiến hành hòa giải để các đương sự đoàn tụ và thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên, việc hòa giải đoàn tụ không thành. Vì vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến. Các đương sự không nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ và không đề nghị triệu tập thêm đương sự, người làm chứng, người tham gia tố tụng khác tham gia phiên tòa.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật cũng như quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Bảo T về việc ly hôn với anh Trần Minh T1.

Về con chung: Giao cháu Trần Hoàng K, sinh ngày 26 tháng 3 năm 2020 cho anh Trần Minh Trung trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Phạm Thị Bảo T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị Bảo T và anh Trần Minh T1 không có yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét.

Về án phí: Chị Phạm Thị Bảo T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Cả nguyên đơn và bị đơn đều cùng cư trú tại ấp L, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Bảo T và anh Trần Minh T1 xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2019 trên cơ sở quen biết. Anh chị có đăng ký kết hôn vào ngày 17 tháng 01 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Đây hôn nhân tự nguyện, được pháp luật công nhận. Về mâu thuẫn thì cả chị T và anh T1 đều thừa nhận trong quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn. Theo chị T, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do anh T1 không có lòng tin với chị T, hay ghen tuông, kiểm soát chị T. Việc chị T thuê phòng trọ bên ngoài là do tăng ca, về nhà phải qua phà đêm rất bất tiện và thuê phòng ở chung với bạn để tiết kiệm chi phí. Phía anh T1 cho rằng chị T đã có gia đình nhưng đi làm không về nhà mà ở trọ chung với người bạn nữ, nhắn tin qua lại với người bạn nữ này. Anh T1 đánh người bạn nữ này vì cho rằng người này phá hoại hạnh phúc gia đình anh. Xét thấy vợ chồng phải tôn trọng, tin tưởng lẫn nhau, giữ gìn uy tín, danh dự cho nhau. Mặc dù không có cơ sở nào để xác định chị T không chung thủy nhưng anh T1 vẫn kiểm soát đối với chị T. Có hành vi gây thương tích đối với bạn của chị T, làm ảnh hưởng đến uy tín, danh dự của chị T. Vào tháng 7 năm 2023, chị T đã khởi kiện yêu cầu ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh. Sau khi được Thẩm phán động viên, phân tích, chị T đã rút đơn khởi kiện để đoàn tụ với anh T1. Tuy nhiên, do anh T1 không sửa đổi nên chị T tiếp tục khởi kiện. Đối với anh T1 cho rằng đã có khắc phục, sửa đổi nhưng không có động thái gì để hàn gắn quan hệ hôn nhân với chị T. Xét thấy hôn nhân giữa chị T và anh T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Việc duy trì quan hệ hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho các bên. Vì vậy yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ để chấp nhận. Yêu cầu đoàn tụ của anh T1 là không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Phạm Thị Bảo T và anh Trần Minh T1 thống nhất giao con chung tên Trần Hoàng K, sinh ngày 26 tháng 3 năm 2020 cho anh Trần Minh T1 tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị Bảo T và anh Trần Minh T1 thống nhất không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị Phạm Thị Bảo T và anh Trần Minh T1 thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị Phạm Thị Bảo T và anh Trần Minh T1 thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án thì chị Phạm Thị Bảo T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[8] Xét thấy ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh là phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án và phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên có căn cứ để chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 58; các điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Bảo T.

Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Bảo T được ly hôn với anh Trần Minh T1.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Phạm Thị Bảo T và anh Trần Minh T1 về việc giao con chung tên Trần Hoàng K, sinh ngày 26 tháng 3 năm 2020 cho anh Trần Minh T1 tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Phạm Thị Bảo T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị Bảo T và anh Trần Minh T1 thống nhất không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Buộc chị Phạm Thị Bảo T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền số 0018242 ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh nên chị Phạm Thị Bảo T không phải nộp thêm.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND Tp Trà Vinh;
- Chi cục THADS Tp Trà Vinh;
- UBND xã L;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Anh Khoa